

Cao Bằng, ngày 15 tháng 12 năm 2023

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
Lớp trung cấp lý luận chính trị khóa 16

1. Điểm khóa luận tốt nghiệp

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Dũng Hà	8,25	Tám phẩy hai năm	7	Hà Thị Liễu	8,25	Tám phẩy hai năm
2	Nguyễn Thị Hằng	8,25	Tám phẩy hai năm	8	Triệu Thị Nga	8,50	Tám phẩy năm
3	Nông Thị Hậu	8,25	Tám phẩy hai năm	9	Phan Thị Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
4	Đàm Thu Hiền	8,50	Tám phẩy năm	10	Vi Thị Hồng Thi	8,50	Tám phẩy năm
5	Đàm Mạnh Hùng	8,25	Tám phẩy hai năm	11	Tô Thị Thuần	8,00	Tám
6	Hoàng Văn Hữu	8,25	Tám phẩy hai năm	12	Đàm Trọng Vĩnh	8,50	Tám phẩy năm

2. Điểm thi tốt nghiệp

1	Chu Văn Bộ	7,50	Bảy phẩy năm tám	32	Nguyễn Tuấn Kiên	7,58	Bảy phẩy năm tám
2	Trần Văn Bốn	6,58	Sáu phẩy năm tám	33	Dương Thị Lâm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Nông Đình Chiêu	7,58	Bảy phẩy năm tám	34	Bé Thanh Lịch	7,33	Bảy phẩy ba ba
4	Hoàng Văn Đông	7,25	Bảy phẩy hai năm	35	Hà Thị Lựu	7,58	Bảy phẩy năm tám
5	Đàm Văn Đức	6,92	Sáu phẩy chín hai	36	Lương Thị Luyến	7,42	Bảy phẩy bốn hai
6	Hoàng Thị Dung	6,75	Sáu phẩy bảy năm	37	Hà Thị Mai	7,42	Bảy phẩy bốn hai
7	Hoàng Thị Dung	7,25	Bảy phẩy hai năm	38	Trần Thị Mai	7,50	Bảy phẩy năm
8	Phạm Thị Dung	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	39	Quách Trọng Nghĩa	7,58	Bảy phẩy năm tám
9	Lương Thị Hạ	7,58	Bảy phẩy năm tám	40	Nông Văn Nguyên	7,42	Bảy phẩy bốn hai
10	Đàm Thị Hạnh	7,58	Bảy phẩy năm tám	41	Hoàng Thị Nhậm	7,50	Bảy phẩy năm
11	Đường Thị Hạnh	7,00	Bảy	42	Đinh Thị Như Quỳnh	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Thị Hạnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Hà Thị Thu	6,92	Sáu phẩy chín hai
13	Sầm Hoàng Hiền	7,17	Bảy phẩy mười bảy	44	Đào Minh Thuận	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
14	Đàm Văn Hiệp	6,83	Sáu phẩy tám ba	45	Hoàng Văn Thuật	6,50	Sáu phẩy năm
15	Lã Thị Hiếu	7,58	Bảy phẩy năm tám	46	Hoàng Thị Biên Thùy	7,50	Bảy phẩy năm
16	Hoàng Thị Hòa	7,08	Bảy phẩy không tám	47	La Văn Tiến	7,42	Bảy phẩy bốn hai
17	Triệu Thị Hòa	7,33	Bảy phẩy ba ba	48	Hoàng Thị Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
18	Nông Thị Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	49	Vương Văn Trung	6,92	Sáu phẩy chín hai
19	Lương Thị Minh Huệ	7,33	Bảy phẩy ba ba	50	Hoàng Văn Tuệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Hoàng Thị Huyền	7,17	Bảy phẩy mười bảy	51	Hà Thị Tươi	7,33	Bảy phẩy ba ba
21	Mạc Thị Thanh Huyền	7,92	Bảy phẩy chín hai	52	Nông Thị Uyên	7,25	Bảy phẩy hai năm

28

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Nông Thị Huyền	6,92	Sáu phẩy chín hai	53	Mã Thị Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
23	Nông Thị Thu Huyền	7,58	Bảy phẩy năm tám	54	Hoàng Thị Ngân	7,17	Bảy phẩy mười bảy
24	Lý Văn Khánh	7,00	Bảy	55	Vy Thị Nha (K12)	6,83	Sáu phẩy tám ba

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy



Hoàng Việt Hưng

